

THỰC TRẠNG KỸ NĂNG TƯ DUY PHẢN BIỆN, BỐI CẢNH HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Phạm Thị Chuẩn¹, Trần Thu Trang¹, Nguyễn Huyền Ngọc¹
Email: phamchuanTQ@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 05/05/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/11/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 20/11/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1006

Tóm tắt: Bài viết khảo sát thực trạng, niềm tin và thái độ của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Mở Hà Nội đối với việc phát triển kỹ năng tư duy phản biện trong việc học ngoại ngữ nói chung và học tiếng Trung Quốc nói riêng. Thông qua phương pháp định lượng và định tính, nghiên cứu đánh giá mức độ sử dụng tư duy phản biện, nhận thức về khái niệm này và các rào cản liên quan, bao gồm thiếu động lực, ảnh hưởng văn hóa và hạn chế về thời gian. Kết quả cho thấy sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của tư duy phản biện nhưng việc áp dụng còn hạn chế do thiếu tự tin và kỹ thuật cụ thể. Qua đó, bài viết thảo luận về các kết quả có ý nghĩa đối với các định hướng nghiên cứu tiếp theo.

Từ khóa: kỹ năng tư duy phản biện, ngôn ngữ, ngoại ngữ, thực trạng, bối cảnh

I. Đặt vấn đề

Tư duy phản biện (TDPB) đóng vai trò cốt lõi trong quá trình học tập và được coi là một kết quả quan trọng của các hoạt động giáo dục hiện đại trong giáo dục đại học. Ở Việt Nam, nhiều cơ sở giáo dục đại học nhấn mạnh tầm quan trọng của tư duy phản biện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng, đồng thời liên kết chặt chẽ với thành tích học tập và cơ hội việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Việc phát triển kỹ năng tư duy phản biện không chỉ nâng cao khả năng đưa ra kết luận logic mà còn hỗ trợ sinh viên ra quyết định sáng suốt trong các tình huống thực tiễn.

Thông qua việc thúc đẩy tư duy phản biện, giáo dục đại học góp phần nâng cao năng lực làm việc của sinh viên sau tốt nghiệp, cả trong môi trường nghề nghiệp lẫn xã hội. Tuy nhiên, thực tế tại nhiều trường đại học, sinh viên gặp thách thức trong việc hiểu rõ khái niệm, đặc tính của tư duy phản biện, thiếu tự tin khi áp dụng, và chưa nắm rõ phương pháp phát triển, rèn luyện cũng như vận dụng kỹ năng này trong các bối cảnh học tập và làm việc.

Các ngành học khác nhau thường chú trọng đến những khía cạnh riêng biệt của tư duy phản biện. Nhiều nghiên cứu khẳng định rằng tư duy phản biện chỉ có

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

thể phát huy hiệu quả khi người học sở hữu một nền tảng kiến thức vững chắc trong lĩnh vực chuyên môn cụ thể. Do đó, kỹ năng tư duy phản biện không thể được hiểu và giảng dạy như một năng lực hoàn toàn chung chung; thay vào đó, nó cần được khái niệm hóa theo những đặc trưng của từng ngành học.

Việc vận dụng tư duy phản biện không chỉ dựa vào tri thức môn học mà còn đòi hỏi khả năng thích ứng với các bối cảnh chuyên môn khác nhau. Điều này dẫn đến yêu cầu phải xây dựng cách tiếp cận giảng dạy và đánh giá tư duy phản biện mang tính đặc thù ngành, bên cạnh những năng lực chung như lập luận, phân tích và suy luận logic. Trong quá trình phát triển các công cụ đánh giá, cần xem xét đồng thời các yếu tố chung và yếu tố đặc thù của từng lĩnh vực để đảm bảo đo lường đúng năng lực tư duy phản biện mà ngành học đó hướng tới.

Nghiên cứu này được tiến hành trong bối cảnh đó, tập trung vào việc phát triển kỹ năng tư duy phản biện cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Mở Hà Nội, qua đó làm rõ cách thức tư duy phản biện được hình thành và vận dụng trong môi trường học tập ngoại ngữ mang tính đặc thù.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Lý thuyết tư duy phản biện

Để hiểu rõ bản chất của tư duy phản biện và vai trò của nó đối với quá trình học tập của sinh viên, cần xem xét nguồn gốc và sự phát triển lịch sử của khái niệm này. Thuật ngữ *critical thinking* bắt nguồn từ từ “critical”, vốn xuất xứ từ tiếng Hy Lạp *kritikos*, hàm ý năng lực phán đoán và đánh giá. Những tư tưởng đầu tiên liên quan đến tư duy phản biện có thể được truy nguyên

từ phương pháp đặt câu hỏi của Socrates, người khuyến khích sự truy vấn liên tục, phân tích có hệ thống và kiểm chứng các giả định (McGregor, 2007). Ông, cùng với Plato và Aristotle sau này, cho rằng tư duy sâu sắc là kết quả của quá trình rèn luyện trí tuệ, giúp người học vượt qua các ngộ nhận và hiểu rõ hơn về thế giới.

Từ thời cổ đại đến nay, tư duy phản biện luôn được nhìn nhận như một hoạt động hướng nội và hướng ngoại: đánh giá lập luận của người khác đồng thời phản tư về suy nghĩ của chính mình. Sang thế kỷ XX, cùng với sự phát triển của khoa học và giáo dục, khái niệm này ngày càng được mở rộng và được vận dụng trong nhiều lĩnh vực như khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, kinh tế và giáo dục.

John Dewey là một trong những học giả có đóng góp nền tảng cho việc lý giải tư duy phản biện trong giáo dục hiện đại. Trong tác phẩm *How We Think* (1910), Dewey nhấn mạnh rằng suy nghĩ là một quá trình tự nhiên nhưng năng lực tư duy có thể được phát triển thông qua việc nuôi dưỡng sự tò mò, óc sáng tạo và thói quen đặt câu hỏi. Dewey coi tư duy phản biện là một quá trình giải quyết vấn đề dựa trên việc xác định vấn đề, hình thành giả thuyết, kiểm tra chứng cứ và đưa ra kết luận hợp lý. Đặc biệt, ông chú trọng đến việc xem xét hệ quả của hành động, coi tư duy phản biện là công cụ giúp con người ứng phó với các vấn đề thực tiễn của cuộc sống. Theo ông, tư duy phản biện không phát triển một cách tự động mà đòi hỏi sự định hướng từ người dạy và môi trường học tập khuyến khích khám phá, trải nghiệm và phản tỉnh.

Tóm lại, các lý thuyết nền tảng từ thời cổ đại đến các quan điểm hiện đại của

Dewey đều khẳng định rằng tư duy phản biện là một quá trình mang tính chủ động, có mục đích và cần được rèn luyện thông qua trải nghiệm, phân tư và giải quyết vấn đề. Nghiên cứu này cũng dựa vào nền tảng lý thuyết của Dewey, khẳng định thay vì đơn thuần truyền đạt kiến thức, chúng ta nên hướng đến việc xây dựng một môi trường khuyến khích tư duy sáng tạo, cần đến sự định hướng từ giáo viên để có thể khởi động và dẫn dắt quá trình tư duy phản biện.

2.2. Khái niệm về tư duy phản biện

Tư duy phản biện là một khái niệm rộng và phức tạp, do đó khó đưa ra một định nghĩa thống nhất. Báo cáo Delphi của Hiệp hội Triết học Hoa Kỳ do Facione (1990) chủ trì đã đưa ra định nghĩa có ảnh hưởng sâu rộng: tư duy phản biện là quá trình đánh giá mang tính chủ đích và tự điều chỉnh, bao gồm các hoạt động diễn giải, phân tích, đánh giá và suy luận, cùng với việc làm rõ căn cứ, tiêu chí và bối cảnh của các phán đoán. Định nghĩa này thể hiện tính đa chiều của tư duy phản biện và nhấn mạnh yêu cầu về sự tự giám sát trong quá trình suy nghĩ.

Nhiều học giả khác cũng tiếp cận khái niệm này dưới những góc độ riêng. Ennis và Norris (1989) xem tư duy phản biện là sự suy nghĩ hợp lý và có cân nhắc nhằm xác định điều nên tin và điều nên làm. Elder và Paul (1994) nhấn mạnh khía cạnh trách nhiệm cá nhân đối với chất lượng tư duy thông qua việc sử dụng các tiêu chuẩn rõ ràng để phân tích và đánh giá. Trong khi đó, Beyer (1995) đơn giản hóa khái niệm bằng cách mô tả tư duy phản biện như việc đưa ra các phán đoán có cơ sở.

John Dewey tiếp cận tư duy phản biện theo hướng phản tỉnh và giải quyết vấn đề. Ông cho rằng tư duy phản biện là quá trình tạm hoãn phán đoán để cân nhắc nhiều khả năng khác nhau, xem xét điều kiện, giả định và bằng chứng trước khi đi đến kết luận. Dewey coi đây là hình thức suy nghĩ có tổ chức, giúp người học đối diện với sự không chắc chắn và tìm ra giải pháp thông qua lập luận hợp lý.

Từ việc tổng hợp các quan điểm trên, có thể khái quát rằng tư duy phản biện là quá trình sử dụng các tiêu chí và phương pháp logic nhằm phân tích, đánh giá và xử lý thông tin một cách có căn cứ. Đây là một dạng tư duy bậc cao, đòi hỏi người học phải biết đặt câu hỏi, xem xét nhiều quan điểm, đưa ra giả thuyết mới và kiểm chứng bằng chứng một cách có hệ thống. Tư duy phản biện không phải là kỹ năng xuất hiện tự nhiên mà được hình thành thông qua rèn luyện và trải nghiệm trong môi trường học tập có định hướng.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp khảo sát và phân tích dữ liệu qua bảng hỏi và phỏng vấn sâu để đánh giá tình hình sử dụng kỹ năng tư duy phản biện trong quá trình học tập và giảng dạy. Kết hợp giữa phương pháp định tính và định lượng được dùng để phân tích thái độ cũng như niềm tin của sinh viên đối với kỹ năng tư duy phản biện, từ đó cung cấp cái nhìn tổng quan về mức độ nhận thức và khả năng áp dụng kỹ năng này.

3.2. Đối tượng khảo sát

Đối tượng khảo sát gồm 64 sinh viên năm thứ 2 chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc hiện đang theo học tại Khoa

Tiếng Trung Quốc - Trường Đại học Mở Hà Nội. Nhóm đối tượng được lựa chọn dựa trên tiêu chí là những sinh viên do nhóm nghiên cứu trực tiếp giảng dạy tại thời điểm thực hiện nghiên cứu, giúp đảm bảo tính liên quan và khả năng tiếp cận dữ liệu.

3.3. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua bảng khảo sát “Tìm hiểu các kỹ năng tư duy” do nhóm nghiên cứu tự biên soạn nhằm tìm hiểu thực trạng về khả năng tư duy phản biện và bối cảnh học tập của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc ở Trường Đại học Mở Hà Nội. Bảng khảo sát này được xây dựng tương thích với môi trường giáo dục, với mục tiêu thu thập thông tin về nhận thức, thái độ, niềm tin và tần suất sử dụng kỹ năng tư duy phản biện của sinh viên. Từ đó, nghiên cứu có thể phân tích và đánh giá hiệu quả của các phương pháp giảng dạy nhằm phát triển kỹ năng này tại Khoa Tiếng Trung Quốc của trường.

Dữ liệu định lượng được thu thập thông qua Google Forms và phân tích tự động để tạo ra các thống kê mô tả. Trong phần nghiên cứu định tính, phỏng vấn sâu đã được thực hiện với 52 sinh viên để thu thập thông tin chi tiết về nhận thức và trải nghiệm của họ liên quan đến kỹ năng tư duy phản biện trong việc học ngoại ngữ. Dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn được ghi lại và nhập vào phần mềm Microsoft Excel nhằm sắp xếp và phân tích. Dựa vào dữ liệu thu thập, nghiên cứu sẽ phân tích, giải thích kết quả, thảo luận, đưa ra kết luận và đề xuất hướng nghiên cứu cho tương lai.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng kỹ năng tư duy phản biện của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Mở Hà Nội

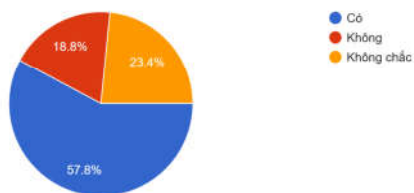
Nhằm nắm bắt bức tranh toàn diện về mức độ sử dụng và phát triển kỹ năng tư duy phản biện của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Mở Hà Nội, nghiên cứu đã thực hiện hai đợt khảo sát.

Đợt khảo sát thứ nhất được triển khai bằng hình thức bảng hỏi trực tuyến (Google Forms), thu về 64 phiếu hợp lệ. Bảng hỏi gồm 11 mục, trong đó 10 câu đầu tập trung đánh giá: mức độ sử dụng kỹ năng tư duy phản biện trong học tập, thái độ và niềm tin của sinh viên đối với tư duy phản biện, mức độ vận dụng kỹ năng này trong các tình huống học tập tiếng Trung, sự tự tin khi tham gia phát biểu, tranh luận, đặt câu hỏi hoặc phản biện trên lớp. Dữ liệu thu được ở đợt 1 phản ánh nhận thức bước đầu và hành vi học tập liên quan đến tư duy phản biện của sinh viên.

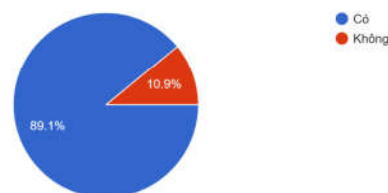
Đợt khảo sát thứ hai được tiến hành thông qua phỏng vấn sâu với 52 sinh viên, nhằm làm rõ các yếu tố khó có thể đo lường bằng bảng hỏi, như: cảm nhận chủ quan của sinh viên về vai trò của tư duy phản biện trong học ngoại ngữ; mức độ họ được hướng dẫn, khuyến khích hoặc yêu cầu phản biện trong lớp học; những khó khăn khi áp dụng tư duy phản biện vào quá trình học tiếng Trung; nhu cầu và đề xuất của sinh viên liên quan đến việc cải thiện kỹ năng này.

Kết quả của hai đợt khảo sát tạo cơ sở để đối chiếu, bổ sung và lý giải đầy đủ hơn về hiện trạng kỹ năng tư duy phản biện của sinh viên.

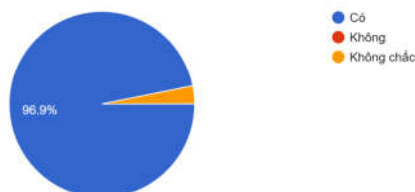
Q1. Bạn có được học (sử dụng) kỹ năng TDPB trong lớp học ngoại ngữ hiện tại?
64 responses



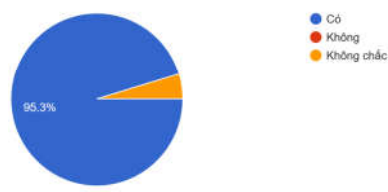
Q2. Bạn có nghe nói về TDPB trong việc học ngoại ngữ?
64 responses



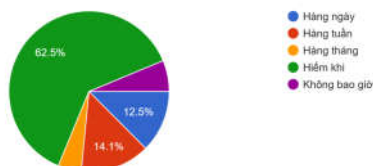
Q3. Bạn có nghĩ TDPB là kỹ năng quan trọng trong việc học ngoại ngữ?
64 responses



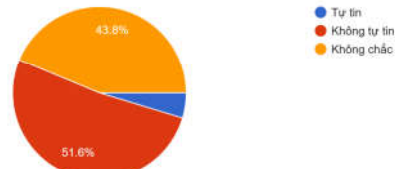
Q4. Bạn có tin rằng TDPB có thể được học và phát huy trong quá trình học ngoại ngữ?
64 responses



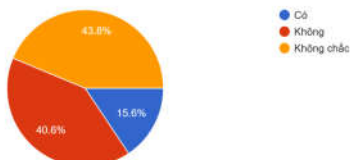
Q5. Bạn thường xuyên tham gia tích cực vào các bài tập hoặc hoạt động TDPB như thế nào?
64 responses



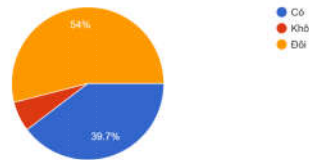
Q6. Bạn có tự tin với kỹ năng TDPB của mình?
64 responses



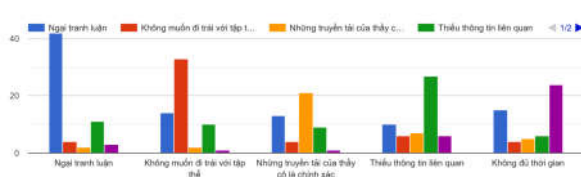
Q7. Bạn có biết bất kỳ kỹ thuật hoặc chiến lược cụ thể nào được sử dụng để tăng cường TDPB không?
64 responses



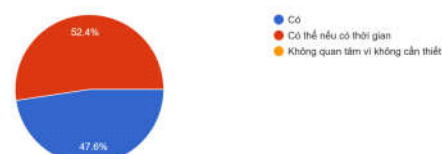
Q8. Bạn có chủ động tìm kiếm nhiều góc nhìn khác nhau trước khi đưa ra phán đoán hoặc quyết định không?
63 responses



Q9. Bạn nghĩ điều nào sau đây có thể cản trở TDPB? (Chọn tất cả các câu trả lời đúng)



Q10. Bạn có sẵn sàng tiếp nhận TDPB và phát triển kỹ năng đó qua việc áp dụng các phương pháp học thực nghiệm và đánh giá? ví dụ: tăng hoạt động T..., giá liên tục thay vì kiểm tra 1 lần vào cuối học kỳ
63 responses



Hình 1. Kết quả 10 câu hỏi vòng khảo sát số 1

4.2. Phân tích mức độ phát triển kỹ năng tư duy phản biện của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Mở Hà Nội

Với tỉ lệ lần lượt là 96,9% và 95,3% câu trả lời CÓ cho 2 câu hỏi “Bạn có nghĩ TDPB là quan trọng trong việc học ngoại ngữ?” (Q3) và “Bạn có tin rằng TDPB có thể được học và phát huy trong quá trình

học ngoại ngữ?” (Q4) có thể nhận thấy sinh viên có niềm tin gần như tuyệt đối vào vai trò của kỹ năng tư duy phản biện trong việc học ngoại ngữ. Học sinh ngoại ngữ thường được liên tưởng là chăm chỉ và siêng năng, nhưng lại thiếu sự sáng tạo và độc lập. Môi trường học ngoại ngữ thường dễ gặp phải tình trạng thiếu sót trong việc thúc đẩy thói quen đặt câu hỏi,

ngghi ngờ và lập luận. Trong thời đại thông tin mở, công nghệ thông tin phát triển vượt bậc như hiện nay, sinh viên có lợi thế trong việc cập nhật những kiến thức mới trên toàn thế giới, bắt nhịp xu hướng của thời đại. Đường Nha niềm tin của họ vào vai trò của tư duy phản biện trong học ngoại ngữ không hẳn xuất phát từ sự hiểu biết sâu sắc mà có thể chỉ đơn thuần là do những điều này đã được nhắc đến nhiều lần, khiến họ chấp nhận như một điều hiển nhiên, kể cả những sinh viên còn chưa rõ ràng về khái niệm này. Đây không phải là suy đoán chủ quan của người nghiên cứu mà thực tế chúng tôi dựa trên những câu trả lời tiếp theo của sinh viên mà chúng tôi sẽ phân tích sau để đưa ra kết luận này.

Ở câu hỏi “Bạn có nghe nói về TDPB trong việc học ngoại ngữ?” (Q3), câu trả lời KHÔNG chỉ chiếm 10,9% so với câu trả lời có là 89,1%, chứng tỏ rằng sinh viên đã được nghe đến rất nhiều về TDPB trong việc học ngoại ngữ. Nhưng với 2 câu hỏi “Bạn có được học (sử dụng) tư duy phản biện trong lớp học ngoại ngữ hiện tại?” (Q1) và “Bạn thường xuyên tham gia vào hoạt động tư duy phản biện như thế nào?” (Q5) tỷ lệ trả lời CÓ của câu hỏi Q1 đã giảm xuống còn 57,8%, và 62,5% cho câu trả lời HIẾM KHI của câu hỏi Q5. Chúng ta có thể nhận thấy một thực trạng là phân nửa sinh viên đã được học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện trong lớp học hiện tại, một con số chưa phải là đáng mừng, nhưng điều đáng suy nghĩ hơn ở đây là thực tế tần suất bản thân những sinh viên này tham gia tích vào các bài tập hoặc hoạt động tư duy phản biện rất ít. Các câu trả lời cho 4 câu hỏi tiếp theo Q6, Q7, Q8, Q9 lý giải một số nguyên nhân cho tình trạng này. Nguyên nhân lớn nhất có thể rõ ràng nhận thấy là sự thiếu tự tin vào kỹ năng của bản thân

với tỷ lệ hiếm hoi 4,6% cho câu hỏi Q6 “Bạn có tự tin vào kỹ năng TDPB của mình?” Điều này tương quan với 15,6% câu trả lời CÓ cho câu hỏi “Bạn có biết bất kỳ kỹ thuật hay chiến lược cụ thể nào để tăng cường TDPB không?” (Q7). Khi sinh viên nắm được kỹ thuật hay có chiến lược thì chắc chắn họ sẽ có tự tin hơn để sử dụng. Tư duy bắt nguồn từ suy nghĩ. Suy nghĩ có thể là một hành động tự nhiên, nhưng tư duy phản biện là một kỹ năng tư duy bậc cao, nó không phát triển một cách tự phát mà ngược lại, giáo viên phải đóng vai trò chỉ đạo để khởi xướng, hướng dẫn và thúc đẩy. Ở câu hỏi Q8 “Bạn có chủ động tìm kiếm nhiều góc nhìn khác nhau trước khi đưa ra phán đoán và quyết định không?” chúng tôi thu được câu trả lời CÓ là 39,7%, ĐÔI KHI là 52,4%. Tìm kiếm nhiều góc nhìn khác nhau trước khi đưa ra phán đoán và quyết định là một trong những kỹ năng liên quan chặt chẽ tới kỹ năng tư duy phản biện. Kết quả cho thấy khoảng một nửa sinh viên tham gia khảo sát có sử dụng kỹ năng này, nhưng rõ ràng là họ chưa nhận thức được mối liên quan của nó với tư duy phản biện. Sinh viên nhận thức một cách có ý thức về những gì họ đang làm sẽ có thể áp dụng các chiến lược tư duy một cách phù hợp, hiệu quả nhất. Đây cũng là một trong những mục tiêu của nghiên cứu này. Giảng viên cần giúp sinh viên nhận thức một cách có ý thức về các chiến lược, kỹ thuật trong hoạt động tư duy phản biện.

Câu hỏi Q9 cung cấp cho chúng tôi cái nhìn đánh giá tổng quát hơn về những yếu tố gây cản trở việc phát triển tư duy phản biện trong lớp học hiện tại. Yếu tố cản trở lớn nhất là các em ngại tranh luận, tiếp theo là không muốn đi trái với tập thể. Yếu tố mặc định những truyền tải của giáo viên là chính xác cũng chiếm một tỷ

lệ không nhỏ. Chúng ta có thể so sánh với những đặc điểm văn hóa của các quốc gia Đông Á mà đã đề cập ở phần trước, khi các em chịu ảnh hưởng của nền giáo dục thụ động, văn hóa thứ bậc, dĩ hòa vi quý. Khi hiểu rõ nguyên nhân chúng ta sẽ có định hướng chiến lược để khắc phục, cải thiện. Giáo viên có thể thay đổi phương pháp tiếp cận, giảng dạy theo hướng để sinh viên tham gia tích cực vào các hoạt động trong lớp học, khuyến khích sinh viên phát biểu, thể hiện ý tưởng cá nhân, hạn chế những biểu hiện lười biếng và tư duy hời hợt. Yếu tố về thiếu thông tin và không đủ thời gian cũng được nhắc đến với tỷ lệ khá lớn. Thời đại công nghệ đã cho phép sinh viên dễ dàng hơn rất nhiều với việc tiếp cận nhiều nguồn thông tin. Tuy nhiên, không ít sinh viên cảm thấy khó khăn trong việc tìm kiếm những nguồn thông tin đáng tin cậy và làm thế nào để chọn lọc thông tin một cách hợp lý. Việc chú trọng phát triển kỹ năng tư duy phản biện như phân tích, đánh giá, suy luận chắc chắn sẽ giúp ích nhiều cho sinh viên trong vấn đề này. Cuối cùng là yếu tố thiếu thời gian. Cùng với câu trả lời CÓ (47,6%) còn thấp hơn câu trả lời CÓ THỂ NẾU CÓ THỜI GIAN (52,4%) cho câu hỏi “Bạn có sẵn sàng tiếp nhận TDPB và phát triển kỹ năng đó qua việc áp dụng các phương pháp học thực nghiệm và đánh giá?” ví dụ: *tăng hoạt động thảo luận nhóm, đánh giá liên tục thay vì kiểm tra 1 lần vào cuối học kỳ* (Q10), cho thấy cách bố trí thời gian một cách hợp lý cho buổi học cũng rất cần thiết. Điều này khá là khó khăn khi thời lượng buổi học không thể tăng lên, đòi hỏi không chỉ sinh viên mà cả giáo viên phải có sự chuẩn bị tài liệu, nghiên cứu các phương pháp học tập và giảng dạy, thêm đó áp dụng công nghệ cũng vô cùng

quan trọng. Trở lại câu hỏi Q1 và Q2, với tỷ lệ gần như tuyệt đối sinh viên tin tưởng vào tầm quan trọng của tư duy phản biện trong học ngoại ngữ, trong khi hơn một nửa số sinh viên trả lời chỉ sẵn sàng tiếp nhận TDPB và phát triển kỹ năng đó thông qua phương pháp thực nghiệm và đánh giá (một cách tiếp cận tích cực có thể nâng cao TDPB một cách hiệu quả) nếu họ có thời gian, điều này đặt ra một thách thức không nhỏ cho những người giảng dạy. Chính vì vậy, chúng tôi thiết nghĩ để phát triển kỹ năng tư duy phản biện cho sinh viên, việc phổ biến kiến thức về kỹ năng tư duy phản biện một cách toàn diện, cụ thể là điều cần thiết trước mắt. Khi sinh viên nắm rõ khái niệm, chức năng, tác dụng của tư duy phản biện trong việc học ngoại ngữ, họ sẽ có động lực và niềm tin để áp dụng và phát triển nó trong quá trình học tập hàng ngày. Thứ đến, việc hướng dẫn, tạo điều kiện cho sinh viên có thể áp dụng, vận dụng phát triển những kỹ năng đó một cách thường xuyên cần được nghiên cứu, xem xét như một tiêu chí trong chương trình học.

Chúng tôi đặt giả thiết, câu trả lời về thái độ và niềm tin của sinh viên về tư duy phản biện có thể chỉ là dựa trên xu hướng, phong trào mà chưa có sự hiểu biết kỹ lưỡng. Để hiểu rõ thêm về vấn đề này chúng tôi đã thực hiện vòng khảo sát thứ 2 thông qua thăm vấn sâu 52 sinh viên về những gì họ biết về tư duy phản biện.

Ở vòng *khảo sát đợt 2*, sau khi phỏng vấn 52 sinh viên trực tiếp và ghi chép lại vào file Excel, chúng tôi thống kê được kết quả như sau:

Câu hỏi phỏng vấn: Bạn hiểu gì về tư duy phản biện và có hay sử dụng trong việc học ngôn ngữ tiếng Trung hay không?

Bảng 1. Kết quả vòng khảo sát số 2 về mức độ hiểu và sử dụng TDPB

Không hiểu và không sử dụng	10	19,2%
Hiểu nhưng không sử dụng	17	32,7%
Hiểu nhưng ít sử dụng	14	26,9%
Hiểu và có sử dụng	11	21,2%

Ngoại trừ 10 ý kiến không hiểu gì về tư duy phản biện, hầu hết các câu trả lời còn lại đa phần hiểu tư duy phản biện là phản biện, phân tích, đánh giá thông tin một cách logic. Về cơ bản các em đã hiểu đúng khái niệm tư duy phản biện khái quát theo đúng nghĩa của từ ngữ. Như đã đề cập ở phần đầu của bài viết, dựa trên những nghiên cứu từ các chuyên gia nổi tiếng trong lĩnh vực tư duy phản biện, tư duy phản biện được hiểu là quá trình thiết lập và áp dụng các tiêu chí để đưa ra quyết định về kiến thức, khám phá phương pháp, và xây dựng quan điểm thay thế cho nhiều vấn đề khác nhau. Trước hết các em cần hiểu rõ khái niệm cụ thể của tư duy phản biện, nắm được những yếu tố của tư duy phản biện trong học ngoại ngữ (chúng tôi sẽ đề cập đến ở nghiên cứu khác) thì mới có thể thúc đẩy quá trình sử dụng, phát triển kỹ năng này. Chúng tôi dự định sẽ thực hiện thêm một bài kiểm tra trong tương lai nhằm giúp sinh viên nhận thức rõ hơn lợi ích của việc tư duy theo cách phản biện, đồng thời cũng hiểu được tư duy phản biện bao gồm những yếu tố gì. Theo nhiều cách, ‘tư duy phản biện’ được ngầm hiểu trong các cấu trúc rộng hơn của tư duy học thuật và khái niệm bản thân, nhưng sử dụng từ ‘phản biện’ (và giải thích thêm, làm rõ và đưa ra ví dụ) có thể giúp sinh viên tập trung vào một khía cạnh quan trọng của tư duy học thuật theo cách cân nhắc, có chủ đích và có ý thức hơn.

Dữ liệu khảo sát cho thấy mức độ sử dụng tư duy phản biện trong lớp học

của sinh viên vẫn còn ở mức thấp. Những hoạt động mà sinh viên nêu ra có liên quan đến tư duy phản biện bao gồm: tự sửa phát âm bằng cách nghe file âm thanh, vẽ sơ đồ phân tích cấu trúc chữ tiếng Trung, đặt câu hỏi về ngữ pháp và cách sử dụng từ, so sánh và phân tích các cấu trúc ngữ pháp, luyện khẩu ngữ song song với bạn học và làm bài tập, kết hợp tiếng Anh khi học từ vựng tiếng Trung, học kiến thức tiếng Trung qua phim ảnh và tiểu thuyết, sau đó sử dụng công cụ ChatGPT để kiểm chứng nội dung đã học. Những hoạt động này đều có tiềm năng tích hợp tư duy phản biện, nhưng việc thiếu động lực từ phía người học được xác định là một rào cản lớn. Khi sinh viên nhận thức rõ rằng mình đang sử dụng kỹ năng tư duy phản biện, họ có xu hướng hăng hái và chủ động hơn trong việc áp dụng kỹ năng này, từ đó khám phá các phương pháp mới và xây dựng các quan điểm thay thế.

Kết quả khảo sát đã làm sáng tỏ thực trạng sử dụng, mức độ hiểu biết, niềm tin và thái độ của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Mở Hà Nội đối với tư duy phản biện. Những thái độ và niềm tin này cho thấy tiềm năng dự đoán về hiệu quả của các biện pháp phát triển kỹ năng tư duy phản biện trong học tập ngoại ngữ. Nghiên cứu lập luận rằng việc tham gia khảo sát không chỉ mang lại lợi ích cho việc thu thập dữ liệu mà còn khuyến khích sinh viên tự phản ánh, tìm tòi và tham gia tích cực hơn vào các hoạt động tư duy phản biện, từ đó nâng cao hiệu quả học tập.

V. Kết luận

Tư duy phản biện là một yếu tố cốt lõi trong việc học bất kỳ ngôn ngữ nào, tuy nhiên, hiệu quả triển khai kỹ năng này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm năng lực

của giáo viên, tính sẵn có của nguồn tài nguyên, mức độ sẵn sàng của người học, giới hạn về thời gian và quy mô lớp học. Nghiên cứu này nhằm khảo sát thực trạng sử dụng tư duy phản biện của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Mở Hà Nội.

Với mục tiêu đào tạo sinh viên có kiến thức sâu rộng, tư duy phản biện sắc bén và khả năng cạnh tranh trên trường quốc tế, nghiên cứu đề xuất rằng việc xây dựng và triển khai một hệ thống phương pháp giảng dạy nhằm phát triển kỹ năng tư duy phản biện trong môi trường lớp học sẽ là định hướng trọng tâm cho các nghiên cứu tiếp theo.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài cấp Trường Đại học Mở Hà Nội, mã số MHN2024-02.39.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Beyer, B. K. (1995). *Critical thinking*. Phi Delta Kappa Educational Foundation.
- [2]. Dewey, J. (2021). *Cách ta nghĩ* (Vũ Đức Anh, dịch). NXB Tri Thức.
- [3]. Elder, L., & Paul, R. (1994). *Critical thinking: Why we must transform our teaching*. Foundation for Critical Thinking.
- [4]. Ennis, R. H., & Norris, S. P. (1989). *Evaluating critical thinking*. Midwest Publications.
- [5]. Facione, P. A. (1990). *Critical thinking: A statement of expert consensus for purposes of educational assessment and instruction*. The California Academic Press. (Bản PDF)
- [6]. Liu, Z. (1973). *The way of being a teacher in China*. In *The way of teachers*. Taipei: Chung Hwa Book Co.
- [7]. McGregor, D. (2007). *Developing thinking; developing learning*. McGraw-Hill Education (UK).
- [8]. Tạp chí Giáo dục Ngôn ngữ Quốc tế. (2021). *Tập 5*(3).
- [9]. Tincu, M. F. (2001). *What is critical thinking and how critical thinking improves student learning* (Graduate Research Paper No. 1652).
- [10]. Wang, T. (2006). *Understanding Chinese culture and learning* (Paper Code WAN06122). AARE Annual Adelaide.

THE CURRENT STATE OF CRITICAL THINKING SKILLS AND THE LEARNING CONTEXT OF STUDENTS MAJORING IN THE CHINESE LANGUAGE AT HANOI OPEN UNIVERSITY

Pham Thi Chuan¹, Tran Thu Trang¹, Nguyen Huyen Ngoc¹

Abstract: *This study investigates the current state, beliefs, and attitudes of students majoring in Chinese Language at Hanoi Open University regarding the development of critical thinking skills in foreign language learning. Employing both quantitative and qualitative methods, the research evaluates the extent of critical thinking application, awareness of the concept, and related barriers, including lack of motivation, cultural influences, and time constraints. The findings indicate that while students recognize the importance of critical thinking, its application remains limited due to a lack of confidence and specific techniques. The study discusses the implications of these results for future research directions.*

Keywords: *critical thinking skills, language, foreign language, current state, context*

¹ Hanoi Open University